

Bản án số: 46/2023/HS-ST .

Ngày 31-5 -2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2023/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Đình S- Sinh năm 1982; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T (đã chết) và bà Lê Thị C; có vợ là Lê Thị T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 25/12/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Người bị hại: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Viết H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/12/2022, Lê Đình S phát hiện gia đình chị Trịnh Thị P ở tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện T, là hàng xóm đi vắng. Do cần tiền trả nợ, S nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị P để trộm cắp. Để thực hiện hành vi, Lê Đình S trèo từ mái tôn phía sau nhà sang nhà bên cạnh rồi tiếp tục trèo sang mái tôn sau nhà chị P và đi vào sân phơi phía sau nhà chị P. Sau đó, S dùng tay luồn vào khe giữa các khung sắt của cánh cửa nối giữa sân phơi và phòng ngủ để mở cửa đi vào tầng hai nhà chị P rồi đi theo cầu thang xuống tầng một, vào phòng khách tầng 1. S quan sát thấy có một chiếc tủ gỗ, loại tủ ly đặt ti vi phía trên, chìa khóa để ngay gần cánh cửa tủ. S dùng chìa mở cửa tủ ra thì thấy có tiền để trong ví và ba hộp màu đỏ bên trong có 07 chiếc nhẫn vàng và 02 chiếc bông tai bằng vàng đính đá. S không lấy tiền chỉ lấy toàn bộ số vàng. Sau khi lấy được tài sản, Lê Đình S về nhà theo đường đã đột nhập và cất giấu 07 chiếc nhẫn đã trộm được tại vị trí gầm máy lọc nước trong nhà bếp. Khoảng 13 giờ ngày 15/12/2022, S đem đôi bông tai bán cho anh Lê Viết H chủ cửa hàng vàng bạc H, ở tổ dân phố 8, thị trấn N, huyện T lấy 780.000 đồng. Đến 17 giờ ngày 16/12/2022, Lê Đình S đến Công an thị trấn N đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và giao nộp số tiền 780.000 đồng.

Ngày 16/12/2022, Công an thị trấn N thu giữ 07 nhẫn kim loại hình tròn, màu vàng để trong túi nilon màu xanh dưới gầm máy lọc nước trong bếp nhà Lê Đình S và 02 bông tai màu vàng đính đá tại cửa hàng vàng bạc nhà anh Lê Viết H.

Ngày 14/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn trưng cầu giám định đối với 07 nhẫn tròn và 02 bông tai đã thu giữ có phải là vàng không? Hàm lượng vàng trong các mẫu cần giám định? Tại Kết luận giám định số 1801/KL KTHS ngày 23/3/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- 07 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đều chế tác kiểu tròn, trơn gửi giám định có tổng khối lượng 26,22g đều là vàng; hàm lượng trung bình vàng 99,98%.

- 02 chiếc hoa tai có tổng khối lượng 2,22g hàm lượng trung bình vàng 64,32%, bạc 14,72%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 392/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá UBND huyện Triệu Sơn kết luận: 07 chiếc nhẫn tròn, khối lượng mỗi nhẫn 3,77g (tương đương 01 chỉ vàng) trị giá: 36.400.000 đồng; 02 chiếc bông tai, chất liệu vàng 10K, khối lượng mỗi chiếc 1,12g có mặt đính đá hình bông hoa, loại đá trang sức công nghiệp trị giá: 1.300.000 đồng. Tổng cộng: 37.700.000 đồng.

Về vật chứng: 07 nhẫn tròn chất liệu vàng, 02 chiếc bông tai chất liệu vàng đính đá trả lại cho chị Trịnh Thị P; số tiền 780.000 đồng tiếp tục bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Về dân sự: Chị P đã nhận lại tài sản. Lê Đình S lấy tiền của bị cáo trả cho anh Lê Viết H 780.000 đồng. Chị P và anh H không yêu cầu giải quyết về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKS-TS ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố các bị cáo Lê Đình S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s,i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Đình S từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 780.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình S khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản Cáo trạng truy tố, không có ý kiến gì tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Chị Trịnh Thị P có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ 292 BLTTHS, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đình S đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/12/2022, Lê Đình S lén lút trộm cắp 07 chiếc nhẫn và 02 chiếc bông tai bằng vàng có tổng trị giá 37.700.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm

vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173BLHS. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, tính chất của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tính chất hành vi phạm của các bị cáo Lê Đình S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và người bị hại có đơn xin hình phạt cho bị cáo quy định điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, không cần phải bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ khả năng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Đình S không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra trả lại 07 nhẫn tròn chất liệu vàng, 02 chiếc bông tai chất liệu vàng đính đá cho chị Trịnh Thị P là đúng quy định. Bị cáo tự nguyện dùng tiền của mình trả cho anh Hà và không yêu cầu HĐXX trả lại số tiền 780.000đồng đã nộp cho cơ quan công an, do đó tịch thu số tiền này nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về dân sự: Chị P đã nhận lại tài sản. Bị cáo đã trả cho anh H số tiền 780.000đồng, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tiền án phí. HĐXX xét đơn của bị cáo thuộc trường hợp được miễn tiền án phí quy định tại điểm đ Điều 12, Điều 14,15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do đó chấp nhận miễn tiền án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: **Lê Đình S** 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47BLHS; Điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, các Điều 331,333BLTTHS; đ Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về vật chứng: Nộp ngân sách nhà nước số tiền 780.000đ.

Vật chứng có đặc điểm theo giấy nộp tiền vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn mở tại Kho bạc Triệu S ngày 31/5/2023.

- Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Đình S.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-TAND T. Thanh Hóa;
-VKSND T. Thanh Hóa;
-VKSND Triệu S;
-Công an Triệu S;
-Chi cục THA. Triệu S;
-Bị cáo, bị hại;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

